

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 03 - 9 - 2019

V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Cẩm Đào

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Minh Bền

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Linh – Thư ký tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 03 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 606/2019/TLST-HNGĐ ngày 11/7/2019, về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 566/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/7/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Hà Kim Như N**, sinh năm 1986(có mặt).

Địa chỉ: Số 119F, Nguyễn Trãi, khóm 1, phường 9, thành phố C).

Bị đơn: Anh **Trần Bảo Q**, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Số 37, Tô Hiến Thành, khóm 8, phường 5, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Hà Kim Như N trình bày: Chị và anh Trần Bảo Q chung sống vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, gia đình không hạnh phúc, gia đình hai bên hòa giải cho anh chị nhưng không hòa giải được, anh chị đã ly thân khoảng một năm nay nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị xác định có hai người con tên Trần Bảo K, sinh ngày 19/9/2012 và Trần Nhã A, sinh ngày 10/11/2016 hiện nay đang sống chung với chị N, khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi hai con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Chị xác định không có.

Về nợ chung: Chị xác định không có.

Anh Trần Bảo Q trình bày: Về thời gian chung sống, thời gian kết hôn và nợ đăng ký kết hôn đúng như chị N trình bày. Trong thời gian chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng cự cãi nhau nên anh chị đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả nên anh buồn bực, anh có đi nhậu, anh chị đã sống ly thân hơn một năm. Nay chị N xin ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Anh xác định có hai người con tên Trần Bảo K, sinh ngày 19/9/2012 và Trần Nhã A, sinh ngày 10/11/2016 hiện nay đang sống chung với chị N đúng như chị N trình bày. Khi ly hôn, anh đồng ý giao hai con cho chị N nuôi, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Anh xác định không có.

Về nợ chung: Anh xác định không có.

Các đương sự không trình bày gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về phần hôn nhân: Chị N và anh Q kết hôn từ năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố C đúng theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp và được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do có phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng nên Chị N và anh Q không còn sống chung nhà khoảng một năm nay. Chị N xác định mâu thuẫn của chị N và anh Q phát sinh ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên chị N yêu cầu ly hôn với anh Q. Anh Q không đồng ý ly hôn vì anh cho rằng mâu thuẫn của anh chị không lớn và anh còn thương vợ con.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị N và anh Q đã mâu thuẫn là thực tế và anh chị đã không sống chung nhà khoảng một năm nay. Xét thấy hôn nhân của anh, chị đã mâu thuẫn kéo dài, cả chị N và anh Q đều không có hướng khắc phục, Tòa án đã tạo điều kiện để anh chị hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Tại phiên tòa anh Q xác định, anh còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn nhưng nếu chị N cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị N và anh Q có hai người con chung là Trần Bảo K, sinh ngày 19/9/2012 và Trần Nhã A, sinh ngày 10/11/2016, hiện nay đang sống chung với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung và yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.500.000 đồng/tháng. Anh Q đồng ý giao hai con chung cho chị N nuôi dưỡng, anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng /2 cháu. Thời gian cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chị N đồng ý theo mức cấp dưỡng anh Q đặc ra, xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N là phù hợp.

Người không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Chị N và anh Q xác định không có.

[4] Về nợ chung: Chị N, anh Q xác định không nợ ai nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Kim Như N

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Hà Kim Như N về việc xin ly hôn anh Trần Bảo Q.

Về con chung: Giao hai cháu Trần Bảo K, sinh ngày 19/9/2012 và Trần Nhã A, sinh ngày 10/11/2016 (hiện đang sống với chị N) cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Trần Bảo Q cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 750.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03/9/2019) cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, chị Hà Kim Như N phải nộp, ngày 11/7/2019, chị N có nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0000435 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được chuyển thu án phí.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trần Bảo Q phải nộp 300.000 đồng (chưa nộp) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau

Các trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố C;
- UBND phường 5, Tp. C;
- Chi cục THADS Tp C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Đã ký

Đinh Cẩm Đào

